

**TÒA ÁN ND TP.BIÊN HÒA
TỈNH ĐỒNG NAI**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: **443/2021/HS-ST**

Ngày: 05-11-2021.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BIÊN HÒA - TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trương Thị Diệp

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Trần Văn Chánh
2. Bà Thiều Thị Phi Loan

- Thư ký phiên tòa:

Bà Trần Thị Thanh Huệ – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân TP.Biên Hòa tham gia phiên tòa:

Bà Trần Thị Bích Hồng - Kiểm sát viên.

Ngày 05 tháng 11 năm 2021, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Biên Hòa, tỉnh Đồng Nai, tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 453/2021/TLST-HS ngày 10 tháng 8 năm 2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 477/2021/QĐXXST-HS ngày 08 tháng 10 năm 2021 đối với bị cáo:

1. Họ và tên: **Nguyễn Kiều H**, sinh năm 1992 (tên gọi khác: Không), tại Hải Phòng; Hộ khẩu thường trú: Tổ 30, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đ; Nơi ở hiện nay: Không nơi ở nhất định; Quốc tịch: Việt Nam; Dân tộc: Kinh; Tôn giáo: Không; Giới tính: Nam; Nghề nghiệp: Không; Chức vụ: Không; Trình độ học vấn: Lớp 12/12; Họ tên cha: Nguyễn Duy T, sinh năm 1969; Họ tên mẹ: Vũ Thị H1, sinh năm 1974; Gia đình bị cáo có 02 anh em, bị cáo là con thứ nhất trong gia đình; Có vợ: Nguyễn Thị Phương D, sinh năm 1994 (đã ly hôn) và có 01 con chung sinh năm 2017; Tiền án: Ngày 13/6/2018, bị Tòa án nhân dân huyện Long Thành, tỉnh Đồng Nai xử phạt 06 (Sáu) tháng tù giam về tội “Trộm cắp tài sản”; Tiền sự: Không.

Nhân thân: Ngày 17/01/2014, bị Toà án nhân dân thành phố Biên Hoà xử phạt 02 (Hai) năm tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 54/2014/HSST.

Ngày 19-4-2021, bị cáo Nguyễn Kiều H bị Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 (Một) năm tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 24/2021/HSST.

Hiện bị cáo đang chấp hành án theo bản án trên tại Trại giam An Phước thuộc Bộ Công an. Bị cáo có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa.

Bị hại: Anh Nguyễn Văn T1, sinh năm 1992 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 24, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đ.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn Đức V, sinh năm 1971 – Vắng mặt.

Địa chỉ: Tổ 14, khu phố 6, phường L, thành phố B, tỉnh Đ.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 23 giờ ngày 01/01/2020, bị cáo Nguyễn Kiều H và anh Nguyễn Văn T1 (là bạn học của bị cáo) ngụ tại tổ 24, khu phố V, phường P, thành phố B, tỉnh Đ đi nhậu cùng với Phạm Duy H1, ngụ tại 291, tổ 4, khu phố 11, phường A, thành phố B, tỉnh Đ và Phạm Phương T2, ngụ tại thị trấn P, huyện B, tỉnh L. Sau đó, cả nhóm về phòng trọ của H tại số nhà 233, tổ 5, khu phố 6, phường L, thành phố B, tỉnh Đ ngủ lại.

Trước khi đi ngủ anh T1 có dựng một chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 35K1-286.61 ở ngoài cửa phòng trọ và có khoá cổ. Đến khoảng 07 giờ ngày 02/01/2020, bị cáo H ngủ dậy, thấy mọi người vẫn còn ngủ nên bị cáo nảy sinh ý định trộm cắp chiếc xe mô tô của anh T1 mang đi cầm lấy tiền tiêu xài và trả nợ. Thực hiện ý định trên, bị cáo lấy chìa khoá xe gần chỗ anh T1 nằm ngủ sau đó mở khoá cổ, dắt xe ra ngoài cổng rồi nổ máy, bỏ chạy đi đến cửa hàng cầm đồ số 13, tổ 14, khu phố 6, phường L, thành phố B do ông Nguyễn Đức V làm chủ cầm chiếc xe mô tô của anh T1 được 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng), số tiền này bị cáo tiêu xài hết. Anh T1 ngủ dậy phát hiện mất chiếc xe mô tô trên nên đến Công an phường Long Bình trình báo sự việc. Công an phường Long Bình lập hồ sơ chuyển đến Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hoà để điều tra, xử lý.

Vật chứng của vụ án:

- 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exciter, biển số 35K1-286.61 và 01 (Một) giấy đăng ký xe biển số 35K1-286.61 của anh Nguyễn Văn T1. Cơ quan Cảnh sát điều tra thu hồi và đã trả lại cho anh T1;

- 01 (Một) biên lai hợp đồng cầm đồ ngày 31/12/2019 và 01 (Một) biên lai cầm đồ ngày 02/01/2020 người cầm tên Nguyễn Kiều H (lưu hồ sơ vụ án);

- 01 (Một) usb ghi lại hình ảnh Nguyễn Kiều H thực hiện hành vi phạm tội (lưu hồ sơ vụ án);

Tại bản Kết luận định giá tài sản số 61/TCKH-HĐĐGTS ngày 19 tháng 02 năm 2020 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự kết luận: “01 chiếc xe mô tô hiệu Yamaha Exciter, biển số 35K1-286.61 có trị giá **32.893.000đ** (Ba mươi hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng)”.

Về dân sự: Anh T1 đã nhận lại tài sản nên không yêu cầu bồi thường.

Ông Nguyễn Đức V yêu cầu bị cáo H bồi thường số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng) theo quy định pháp luật.

Tại bản cáo trạng số: 482/CT-VKSBH ngày 18/8/2021, của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa truy tố bị cáo Nguyễn Kiều H về tội “Trộm cắp tài sản” theo khoản 1 Điều 173 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát trình bày lời luận tội vẫn giữ nguyên quyết định truy tố.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự năm 2015, sửa đổi bổ sung năm 2017 xử phạt:

Bị cáo Nguyễn Kiều H: mức án từ 02 (Hai) năm đến 02 (Hai) năm 06 (Sáu) tháng tù giam.

Tổng hợp hình phạt với Bản án số 24/2021/HSST ngày 19-4-2021 của Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 (Một) năm tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản”.

Bị cáo không yêu cầu đưa thêm vật chứng, tài liệu khác ngoài những chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ của vụ án ra xem xét tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Biên Hòa, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân thành phố Biên Hòa, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục theo quy định của Bộ luật Tố tụng Hình sự. Quá trình điều tra, truy tố bị cáo, bị hại và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan không người nào có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa, bị cáo Nguyễn Kiều H có đơn xin xét xử vắng mặt; Anh Nguyễn Văn T1, Nguyễn Đức V vắng mặt tại phiên tòa. Căn cứ các Điều 290, Điều 292 Bộ luật tố tụng Hình sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với bị cáo Nguyễn Kiều H, anh Nguyễn Văn T1, Nguyễn Đức V.

[3] Về hành vi thực hiện tội phạm của bị cáo: Trong quá trình điều tra, truy tố, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Cụ thể, bị cáo H và anh T1 là bạn bè quen biết nhau, vào khoảng 07 giờ ngày 02/01/2020, lợi dụng lúc anh T1 đang ngủ bị cáo có hành vi lén lút lấy chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter, biển số 35K1-286.61 của anh T1 mang đi cầm để lấy tiền tiêu xài. Tài sản trộm cắp có giá trị định giá là **32.893.000đ** (Ba mươi hai triệu tám trăm chín mươi ba nghìn đồng).

[4] Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, lời khai nhân chứng cùng các chứng cứ khác được thể hiện tại hồ sơ vụ án, phù hợp với nội dung mà bản Cáo trạng đã viện dẫn và truy tố, nhận thấy có đủ căn cứ kết luận hành vi của bị cáo đã phạm vào tội “Trộm cắp tài sản”, tội danh và hình phạt được quy định tại khoản 1 Điều 173 Bộ luật Hình sự.

[5] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến tài sản hợp pháp của người khác được pháp luật bảo vệ, làm mất an ninh trật tự tại địa phương, gây bất bình cho quần chúng nhân dân nên cần xử phạt bị cáo với mức án nghiêm, cách ly bị cáo ra khỏi xã hội một thời gian để cải tạo, giáo dục bị cáo và cũng để răn đe, phòng ngừa chung. Tuy nhiên, khi quyết định hình phạt, Hội đồng xét xử xem xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo, để xem xét giảm nhẹ một phần trách nhiệm hình sự cho bị cáo, thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật.

[6] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự đối với bị cáo: Bị cáo đều có một tiền án về tội “Trộm cắp tài sản”. Hành vi trên của bị cáo đã phạm vào tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự là tái phạm được quy định tại điểm h khoản 1 Điều 52 Bộ luật Hình sự.

[7] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo đã thành khẩn khai báo. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự được quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự.

Vào ngày 19/4/2021, bị cáo H bị Toà án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương xử phạt 01 (Một) năm tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” (Theo Bản án số 24/2021/HS-ST ngày 19/4/2021). Căn cứ Điều 56 bộ luật Hình sự, tổng hợp hình phạt với bản án trên để buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án theo quy định pháp luật.

[8] Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 123, 131 Bộ luật dân sự buộc bị cáo H phải bồi thường cho ông Nguyễn Đức V số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

[9] Đối với hành vi của ông Nguyễn Đức V nhận cầm chiếc xe mô tô hiệu Yamaha, biển số 35K1-286.61 cho bị cáo H. Ông V không biết đây là tài sản do bị cáo H phạm tội mà có nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an thành phố Biên Hoà không xử lý là phù hợp.

[10] Về xử lý vật chứng:

- 01 (Một) chiếc xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Exiter, biển số 35K1-286.61 và 01 (Một) giấy đăng ký xe biển số 35K1-286.61 của anh Nguyễn Văn T1. Cơ quan Cảnh sát điều tra thu hồi và đã trả lại cho anh T1 là phù hợp.

[11] Về án phí: Bị cáo H phải chịu số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ khoản 1 Điều 173, điểm s khoản 1 Điều 51, điểm h khoản 1 Điều 52, Điều 46, 48, 56 Bộ luật Hình sự năm 2015, sửa đổi, bổ sung năm 2017; Khoản 2 Điều 135, khoản 2 Điều 136, Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự; Điều Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

1. Về tội danh: Tuyên bố bị cáo **Nguyễn Kiều H** phạm tội “Trộm cắp tài sản”.

2. Về hình phạt: Xử phạt bị cáo **Nguyễn Kiều H** 02 (Hai) năm tù giam. Tổng hợp hình phạt 01 (Một) năm tù giam về tội “Lạm dụng tín nhiệm chiếm đoạt tài sản” theo Bản án số 24/2021/HS-ST ngày 19/4/2021 của Tòa án nhân dân huyện Bàu Bàng, tỉnh Bình Dương. Buộc bị cáo H phải chấp hành hình phạt chung của 02 bản án là 03 (Ba) năm tù giam. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày 11/01/2021.

3. Về trách nhiệm bồi thường dân sự: Căn cứ Điều 46, 48 Bộ luật Hình sự; Điều 123, 131 Bộ luật dân sự. Buộc bị cáo H phải bồi thường cho ông Nguyễn Đức V số tiền 19.000.000đ (Mười chín triệu đồng).

4. Về án phí: Bị cáo phải nộp số tiền 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và số tiền 950.000đ (Chín trăm năm mươi nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

5. Về việc thi hành án: Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, khoản 2 Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án, thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

7. Bị cáo Nguyễn Kiều H, bị hại Nguyễn Văn T1 và người có quyền lợi nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn Đức V vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Đồng Nai;
- Tòa án tỉnh Đồng Nai;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- VKSND TP. Biên Hòa;
- Cơ quan CSĐT Công an TP. Biên Hòa;

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

- T.H.A Hình sự;
- Nhà tạm giữ - CA TP. Biên Hòa;
- Chi cục THADS TP. Biên Hòa;
- Bị cáo; Bị hại; NCQLNVLQ;
- Lưu HS-VP.

Trương Thị Diệp

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG XÉT XỬ

Các Hội thẩm nhân dân

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trương Thị Thảo